



TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2017

Phiếu 1A.10/TĐT KT-RT

Mã số thuế

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THU GOM VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI, NƯỚC THẢI

Năm 2016

(Áp dụng cho các doanh nghiệp đơn/cơ sở chuyên thu gom và xử lý rác thải)

1. Tên doanh nghiệp/cơ sở:

(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu):

2. Địa chỉ:

CQ Thống kê ghi

Tỉnh/thành phố trực thuộc TW:

--	--

Huyện/quận (thị xã, TP thuộc tỉnh)

--	--	--

3. Ngành SXKD chính:

--	--	--	--	--

(VSIC 2007-Cấp 5)

4. Loại hình cơ sở

1. Doanh nghiệp đơn

3. Trụ sở chính có hoạt động SXKD

2. Cơ sở trực thuộc doanh nghiệp

4. Cơ sở SXKD trực thuộc cơ quan hành chính, sự nghiệp

5. Lao động năm 2016:

5.1 Lao động có tại thời điểm 01/01/2016

--

Người

Trong đó: Nữ

--

Người

5.2 Lao động có tại thời điểm 31/12/2016

--

Người

Trong đó: Nữ

--

Người

Tên chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Thực hiện
A	B	C	1
6. Khối lượng rác thực tế phát thải trên địa bàn hoạt động của Doanh nghiệp	01	<i>Tấn</i>	
Trong đó: - Rác thải sinh hoạt	02	"	
- Rác thải y tế nguy hại	03	"	
- Rác thải công nghiệp nguy hại	04	"	
7. Khối lượng rác thải doanh nghiệp đã thu gom	05	"	
Trong đó: - Rác thải sinh hoạt	06	"	
- Rác thải y tế nguy hại	07	"	
- Rác thải công nghiệp nguy hại	08	"	
8. Khối lượng rác thải doanh nghiệp đã xử lý	09	"	
- Sản xuất phân bón	10	"	
- Chôn, lấp	11	"	
- Đốt	12	"	
- Được xử lý bằng cách khác	13	"	

9. Phương tiện thu gom rác thải của doanh nghiệp			
- Số xe ben đổ rác	14	<i>Cái</i>	
- Số xe ép rác	15	<i>"</i>	
- Số xe đẩy tay	16	<i>"</i>	
- Phương tiện khác	17	<i>"</i>	
10. Cơ sở xử lý rác thải của doanh nghiệp			
- Bãi rác:			
+ Số bãi	18	<i>Bãi</i>	
+ Tổng diện tích	19	<i>Ha</i>	
- Cơ sở xử lý rác thải:			
+ Số cơ sở	20	<i>Cơ sở</i>	
+ Công suất thiết kế	21	<i>Tấn/ngày</i>	
+ Khối lượng rác đã xử lý trong năm	22	<i>Tấn</i>	
- Cơ sở xử lý nước thải bãi rác:			
+ Số cơ sở	23	<i>Cơ sở</i>	
+ Công suất thiết kế	24	<i>m³/ngày</i>	
+ Khối lượng nước thải bãi rác đã xử lý trong năm	25	<i>m³</i>	